

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2024

V/v “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Kha;

Bà Lê Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1983. Địa chỉ: số F, Tổ C, ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980. Địa chỉ: số F, Tổ C, ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn và đăng ký kết hôn số 13 ngày 24/02/2006 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Hôn nhân tự nguyện, vợ

chồng bà chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, ông T hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không sửa đổi nên vợ chồng ly thân từ 26/12/2021 đến nay. Hai vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/3/2007 và Nguyễn Nhân H, sinh ngày 07/6/2013. Hiện tại con chung đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giao con chung cho bà tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông thừa nhận cơ sở hôn nhân của ông và bà Đ như bà Đ trình bày là đúng. Ông bà thường xuyên mâu thuẫn do bà Đ nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông đã nhiều lần muốn hàn gắn nhưng bà Đ không đồng ý. Ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án cho ông thời gian hàn gắn gia đình. Tòa án triệu tập ông đến Tòa tham gia hòa giải nhưng ông vắng mặt.

Về con chung: ông và bà Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/3/2007 và Nguyễn Nhân H, sinh ngày 07/6/2013. Hiện tại con chung đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn ông đề nghị nghĩa vụ trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ và ông T được ly hôn;

- Về con chung: giao cả hai con chung cho bà Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết;

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Đ và ông T trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2006 nên hôn nhân của bà Đ và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo bà Đ mâu thuẫn phát sinh là do vợ chồng chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ cãi vã nhau, ly thân từ năm 2021 đến nay là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Trong thời gian ly thân cả hai không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 10/01/2024, ông T không đồng ý ly hôn với bà Đ và yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng khi Tòa án triệu tập ông T tham gia hòa giải nhưng ông T không đến Tòa. Thời gian bà Đ và ông T ly thân đã lâu, trong thời gian ly thân ông bà không có hàn gắn hôn nhân, do đó có cơ sở cho rằng vợ chồng ông bà không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng

đoàn tụ nên xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông T có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/3/2007 và Nguyễn Nhân H, sinh ngày 07/6/2013. Từ ngày ly thân tới nay, con chung đang sống chung với bà Đ. Xuất phát từ lợi ích của hai cháu nên việc giao con chung cho bà Đ tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Đ và ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Đ và ông T xác định không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn T.

Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 18/3/2007 và Nguyễn Nhân H, sinh ngày 07/6/2013 cho bà Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012026 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Đ đã nộp xong tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã N các đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND thị trấn Bến cầu;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y